

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG PHÚ THỌ**  
Số: 47.7.../CV-XMPT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

V/v: Giải trình chênh lệch LNST  
quý II/2019 và 6 tháng năm 2019

Thanh Ba, ngày 19 tháng 7 năm 2019

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ và có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước của Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty quý II/2019 và 6 tháng năm 2019 như sau:

**I. Báo cáo tài chính tổng hợp:**

**1. Báo cáo quý II/2019 và quý II/2018**

Chỉ tiêu	Quý II/2019	Quý II/2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.302	71.403	(7.101)	(9,9)
Các khoản giảm trừ	475	730	(255)	(35,0)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	63.827	70.673	(6.845)	(9,7)
Giá vốn hàng bán	63.701	60.387	3.314	5,5
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV</b>	<b>126</b>	<b>10.286</b>	<b>(10.160)</b>	<b>(98,8)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	0,7	0,5	0,2	37,6
Chi phí tài chính	5.802	6.775	(973)	(14,4)
Chi phí bán hàng	1.402	2.454	(1.052)	(42,9)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.408	3.001	407	13,6
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(10.485)</b>	<b>(1.944)</b>	<b>(8.542)</b>	<b>439,5</b>
Thu nhập khác	5	22	(17)	(76,7)
Chi phí khác	-	24	(24)	(100,0)
Lợi nhuận khác	5	(1)	6	(543,1)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(10.480)</b>	<b>(1.945)</b>	<b>(8.535)</b>	<b>438,9</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(10.480)</b>	<b>(1.945)</b>	<b>(8.535)</b>	<b>438,9</b>

Lợi nhuận sau thuế quý II/2019 của Công ty lỗ 10.480 triệu đồng tăng lỗ 8.535 triệu đồng so với quý II/2018( quý II/2018 lỗ 1.945 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do gặp sự cố, Công ty phải cho dừng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục( dừng tổng thời gian gần 34 ngày/91 ngày theo lịch bằng 37,36%); do thiếu nguyên liệu vì chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, năng suất dây truyền chỉ đạt 58,31 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý II/2019 là: 63.827 triệu đồng giảm so với quý II/2018( 70.673 triệu đồng) là: 9,7% tương ứng với 6.845 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ quý II/2019 là: 60.067,01 tấn xi măng giảm so với quý II/2018 (71.005,59 tấn) là: 15,41% .Giá vốn hàng bán tăng từ 60.387 triệu đồng của quý II/2018 lên 63.701 triệu đồng quý II/2019( tăng 5,5 % tương ứng tăng 3.314 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong quý II/2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện quý II/2018; giá than bình quân tăng từ tăng từ 278.099 đồng/ tấn Clinker quý II năm 2018 lên 493.395 đồng/ tấn Clinker quý II/2019( do Tập đoàn than tăng giá ). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý II/2019 giảm 10.160 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý II/2019 là: 1.402 triệu đồng giảm 42,9% tương đương 1.052 triệu đồng so với quý II/2018( 2.454 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý II/2019 (3.408 triệu đồng) tăng 407 triệu đồng so với quý II/2018 (3.001 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 973 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý II/2019 giảm so với quý II/2018 là: 8.542 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 6 triệu đồng ,làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý II/2019 giảm 8.535 triệu đồng so với quý II/2018.

## 2. Báo cáo 6 tháng năm 2019 và 6 tháng năm 2018

Chỉ tiêu	6 tháng 2019	6 tháng 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>115.041</b>	<b>126.595</b>	<b>(11.554)</b>	<b>(9,1)</b>
Các khoản giảm trừ	1.445	1.626	(181)	(11,1)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV</b>	<b>113.595</b>	<b>124.969</b>	<b>(11.373)</b>	<b>(9,1)</b>
Giá vốn hàng bán	115.175	109.744	5.430	4,9
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV</b>	<b>(1.579)</b>	<b>15.224</b>	<b>(16.803)</b>	<b>(110,4)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	5	1	3	301,4
Chi phí tài chính	10.982	13.417	(2.435)	(18,1)
Chi phí bán hàng	2.756	4.902	(2.146)	(43,8)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.939	6.174	765	12,4
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(22.252)</b>	<b>(9.268)</b>	<b>(12.984)</b>	<b>140,1</b>
Thu nhập khác	8	1.139	(1.130)	(99,3)
Chi phí khác	9	24	(15)	(61,7)
Lợi nhuận khác	(1)	1.115	(1.116)	(100,1)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(22.252)</b>	<b>(8.153)</b>	<b>(14.100)</b>	<b>172,9</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(22.252)</b>	<b>(8.153)</b>	<b>(14.100)</b>	<b>172,9</b>



Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2019 của Công ty lỗ 22.252 triệu đồng tăng lỗ 14.100 triệu đồng so với 6 tháng năm 2018( lỗ 8.153 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do đúng vào thời gian nghỉ tết nguyên đán và dừng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục ( dừng 22 lần với tổng thời gian gần 80 ngày/181 ngày theo lịch bằng 44,20%); do thiếu nguyên liệu vì chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, năng suất dây truyền chỉ đạt 47,29 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 6 tháng năm 2019 là: 113.595 triệu đồng giảm so với 6 tháng năm 2018 ( 124.969 triệu đồng) là: 9,1% tương ứng với 11.373 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ 6 tháng năm 2019 là: 120.223,1 tấn xi măng giảm so với 6 tháng năm 2018 ( 142.286,24 tấn) là: 15,51% .Giá vốn hàng bán tăng từ 60.387 triệu đồng của 6 tháng năm 2018 lên 63.701 triệu đồng 6 tháng năm 2019( tăng 5,5 % tương ứng tăng 3.314 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong 6 tháng năm 2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện 6 tháng năm 2018; giá than bình quân tăng từ 321.378 đồng/tấn Clinker tại 6 tháng năm 2018 lên 417.515 đồng/ tấn Clinker vào 6 tháng năm 2019 (do Tập đoàn than tăng giá). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 6 tháng năm 2019 giảm 10.160 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của 6 tháng năm 2019 là: 2.756 triệu đồng giảm 43,8% tương đương 2.146 triệu đồng so với 6 tháng năm 2018( 4.902 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 6 tháng năm 2019 (6.939 triệu đồng) tăng 735 triệu đồng so với 6 tháng năm 2018 (6.174 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 2.435 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 6 tháng năm 2019 giảm so với 6 tháng năm 2018 là: 12.984 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 1.116 triệu đồng ,làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng năm 2019 giảm 14.100 triệu đồng so với 6 tháng năm 2018.

## **II. Báo cáo tài chính văn phòng:**

### ***1. Báo cáo quý II/2019 và quý II/2018***

Chỉ tiêu	Quý II/2019	Quý II/2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.302	71.403	(7.101)	(9,9)
Các khoản giảm trừ	475	730	(255)	(35,0)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	63.827	70.673	(6.845)	(9,7)
Giá vốn hàng bán	63.701	60.387	3.314	5,5
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV</b>	<b>126</b>	<b>10.286</b>	<b>(10.160)</b>	<b>(98,8)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	0,7	0,5	0,2	37,6
Chi phí tài chính	5.802	6.775	(973)	(14,4)
Chi phí bán hàng	1.402	2.454	(1.052)	(42,9)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.408	3.001	407	13,6
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(10.485)</b>	<b>(1.944)</b>	<b>(8.542)</b>	<b>439,5</b>
Thu nhập khác	5	22	(17)	(76,7)
Chi phí khác	-	24	(24)	(100,0)
Lợi nhuận khác	5	(1)	6	(543,1)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(10.480)</b>	<b>(1.945)</b>	<b>(8.535)</b>	<b>438,9</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(10.480)</b>	<b>(1.945)</b>	<b>(8.535)</b>	<b>438,9</b>

Lợi nhuận sau thuế quý II/2019 của Công ty lỗ 10.480 triệu đồng tăng lỗ 8.535 triệu đồng so với quý II/2018( quý II/2018 lỗ 1.945 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do gặp sự cố, Công ty phải cho dừng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục( dừng tổng thời gian gần 34 ngày/91 ngày theo lịch bằng 37,36%); do thiếu nguyên liệu vì chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, năng suất dây truyền chỉ đạt 58,31 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý II/2019 là: 63.827 triệu đồng giảm so với quý II/2018( 70.673 triệu đồng) là: 9,7% tương ứng với 6.845 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ quý II/2019 là: 60.067,01 tấn xi măng giảm so với quý II/2018 (71.005,59 tấn) là: 15,41% .Giá vốn hàng bán tăng từ 60.387 triệu đồng của quý II/2018 lên 63.701 triệu đồng quý II/2019( tăng 5,5 % tương ứng tăng 3.314 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong quý II/2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện quý II/2018; giá than bình quân tăng từ tăng từ 278.099 đồng/ tấn Clinker quý II năm 2018 lên 493.395 đồng/ tấn Clinker quý II/2019( do Tập đoàn than tăng giá ). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý II/2019 giảm 10.160 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý II/2019 là: 1.402 triệu đồng giảm 42,9% tương đương 1.052 triệu đồng so với quý II/2018( 2.454 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý II/2019 (3.408 triệu đồng) tăng 407 triệu đồng so với quý II/2018 (3.001



triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 973 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý II/2019 giảm so với quý II/2018 là: 8.542 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 6 triệu đồng, làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý II/2019 giảm 8.535 triệu đồng so với quý II/2018.

## 2. Báo cáo 6 tháng năm 2019 và 6 tháng năm 2018

Chỉ tiêu	6 tháng 2019	6 tháng 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.041	126.595	(11.554)	(9,1)
Các khoản giảm trừ	1.445	1.626	(181)	(11,1)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	113.595	124.969	(11.373)	(9,1)
Giá vốn hàng bán	115.175	109.744	5.430	4,9
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV</b>	<b>(1.579)</b>	<b>15.224</b>	<b>(16.803)</b>	<b>(110,4)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	5	1	3	301,4
Chi phí tài chính	10.982	13.417	(2.435)	(18,1)
Chi phí bán hàng	2.756	4.902	(2.146)	(43,8)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.939	6.174	765	12,4
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(22.252)</b>	<b>(9.268)</b>	<b>(12.984)</b>	<b>140,1</b>
Thu nhập khác	8	1.139	(1.130)	(99,3)
Chi phí khác	9	24	(15)	(61,7)
Lợi nhuận khác	(1)	1.115	(1.116)	(100,1)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(22.252)</b>	<b>(8.153)</b>	<b>(14.100)</b>	<b>172,9</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(22.252)</b>	<b>(8.153)</b>	<b>(14.100)</b>	<b>172,9</b>

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2019 của Công ty lỗ 22.252 triệu đồng tăng lỗ 14.100 triệu đồng so với 6 tháng năm 2018 (lỗ 8.153 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do đúng vào thời gian nghỉ tết nguyên đán và dùng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục (dùng 22 lần với tổng thời gian gần 80 ngày/181 ngày theo lịch bằng 44,20%); do thiếu nguyên liệu vì chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, năng suất dây truyền chỉ đạt 47,29 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 6 tháng năm 2019 là: 113.595 triệu đồng giảm so với 6 tháng năm 2018 (124.969 triệu đồng) là: 9,1% tương ứng với 11.373 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ 6 tháng năm 2019 là: 120.223,1 tấn xi măng giảm so với 6 tháng năm 2018 (142.286,24 tấn) là: 15,51% .Giá vốn hàng bán tăng từ 60.387 triệu đồng của 6 tháng năm 2018 lên 63.701 triệu đồng 6 tháng năm 2019 (tăng 5,5 %

tương ứng tăng 3.314 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong 6 tháng năm 2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện 6 tháng năm 2018; giá than bình quân tăng từ 321.378 đồng/tấn Clinker tại 6 tháng năm 2018 lên 417.515 đồng/tấn Clinker vào 6 tháng năm 2019 (do Tập đoàn than tăng giá). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 6 tháng năm 2019 giảm 10.160 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của 6 tháng năm 2019 là: 2.756 triệu đồng giảm 43,8% tương đương 2.146 triệu đồng so với 6 tháng năm 2018( 4.902 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 6 tháng năm 2019 (6.939 triệu đồng) tăng 735 triệu đồng so với 6 tháng năm 2018 (6.174 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 2.435 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 6 tháng năm 2019 giảm so với 6 tháng năm 2018 là: 12.984 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 1.116 triệu đồng ,làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng năm 2019 giảm 14.100 triệu đồng so với 6 tháng năm 2018.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VP.



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC  
*Triệu Quang Thuận*